

GẮN PHÁT TRIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

THÁI CHÍ BÌNH *

Đồng bằng Sông Cửu long đang đứng trước ba xu thế thách thức của thời đại toàn cầu hóa kinh tế thế giới trong thế kỷ 21:

- Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn
- Hội nhập nền kinh tế hàng hóa nông thủy sản trên thế giới và
- Gắn kinh tế đồng bằng phù sa với kinh tế biển

Chúng ta cần phải làm gì để phát triển bền vững ba mục tiêu trên mà không làm tổn thương và biến dạng xu thế phát triển nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

1-Vấn đề thứ nhất: Hiện đại hóa nền nông nghiệp, nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long.

Đây là một quá trình hình thành và phát triển hàng hóa nông thủy sản từ tình trạng tự cấp tự túc sang sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn khu vực và thế giới

1.1-Thực trạng:

Đến nay, Đồng bằng Sông Cửu Long đã trải qua một bước dài phát triển trong cơ chế thị trường. Sự chuyển mình tuy chậm chạp nhưng đã hé lộ nhiều nhân tố mới cho những bước đi theo định hướng chiến lược công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước:

- Vai trò tác động trực tiếp của chính phủ trong việc thúc đẩy các kế hoạch phát triển:

+ Hạ tầng cơ sở của Đồng bằng Sông Cửu long: Xa lộ 1A, 1B; Cầu Mỹ Thuận, cầu Cần Thơ, Cầu Bến Tre; Trung tâm năng lượng Khí điện đạm Cà Mau...

+ Xây dựng các Khu và Đặc khu công nghiệp dịch vụ với qui mô khu vực: Cần Thơ, Phú Quốc, Cà Mau.

+ Tăng cường vai trò của Ban Tây Nam Bộ trong việc giám sát thúc đẩy việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển.

+ Thu hút sự hợp tác, liên kết liên vùng và quốc tế cho việc xây dựng hạ tầng cơ sở công nghiệp, dịch vụ bằng những chính sách đầu tư thông thoáng, ưu đãi.

+ Củng cố và phát triển, mở rộng hệ thống giáo dục-đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ trong lãnh vực sản xuất hàng hóa thông qua hệ thống giáo dục Đại học, Cao đẳng, Trung học nghề.

-Vai trò của các nhà nông, nhà doanh nghiệp đã có một bước phát triển thông qua các Tổ chức Hội đoàn nghề nghiệp được hình thành và hoạt động ngày chuyên nghiệp hơn

* Cán bộ Trung tâm ĐTTX Trường ĐH Mở TP.HCM

trong việc sản xuất và bảo vệ quyền lợi và vị thế của sản phẩm hàng hóa trong khu vực: Cá, tôm, lúa gạo, cây ăn trái...

-Vai trò của bộ máy quản lý nhà nước: Thông qua chính sách cán bộ và cải cách hành chính, bộ máy quản lý nhà nước ngày càng được chỉnh đốn và nâng cao năng lực quản lý, tuổi trung bình của cán bộ các cấp ngày càng thấp. Nhờ đó vấn đề thực hiện các chủ trương, chính sách của chính phủ đã nhanh chóng, nhạy bén và có hiệu quả hơn

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc phát triển kinh tế xã hội ở đây vẫn còn nhiều vấn đề bất cập phát sinh từ những điều kiện khách quan của nền kinh tế mở nhưng quan trọng và có tác động trực tiếp là từ cơ chế chính sách, hệ thống tổ chức, quản lý thực hiện của chúng ta:

-Chính phủ rất quyết tâm trong việc ban hành các quyết sách và hành lang pháp lý để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, thế nhưng khả năng chuyển tải những chính sách đó vào cuộc sống còn gặp nhiều bất cập khó khăn từ những yếu kém, không đồng bộ về năng lực quản lý lẫn nhận thức vai trò chính trị của một đảng cầm quyền đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời khả năng vốn công nghệ đáp ứng cho các nhu cầu phát triển này vượt quá khả năng tích lũy của nền kinh tế. Do đó sức ép trong quản lý kinh tế xã hội trong nội bộ, ngày không ngừng được gia tăng bởi sức ép của khoảng cách phát triển để hội nhập khu vực và thế giới càng tạo ra sức căng trên nhiều lãnh vực quản lý nhà nước. Điều này dẫn đến những hệ lụy như sau:

+ Sự quá tải trong công việc khiến cho việc hành xử chức trách giữa bộ máy nhà nước và người dân luôn xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột: Yêu cầu của mọi người thì nhiều trong khi khả năng đáp ứng của các cơ quan quản lý nhà nước thì ít., nhất là đối với các đối tượng là nhà sản xuất, dịch vụ. Đây là dấu hiệu của việc hệ thống quản lý nhà nước chưa đủ tầm kiểm soát và quản lý nền kinh tế xã hội. Sự hụt hẫng này càng lớn, hiệu quả công việc càng ít.

+ Sự quá tải trong công việc, trình độ “có hạn” tạo ra tâm lý đối phó trong cán bộ quản lý: Chờ hưởng dẫn để giảm thiểu trách nhiệm cá nhân, chọn việc dễ làm trước,việc khó đây đưa, đùn đẩy

+Biết công việc, có năng lực thực hiện nhưng “ lực bất tòng tâm”: do cơ chế tổ chức chồng chéo và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ lạc hậu, yếu kém. Tóm lại, chúng ta chưa chuẩn bị kịp một lực lượng quản lý nhà nước từ cơ sở, nhất là đơn vị quản lý ấp, xã, huyện ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đây là lỗ hổng lớn mà hệ thống quản lý nhà nước chưa bù đắp và xây dựng được, gây thất thoát lãng phí, không đủ năng lực, tâm huyết để đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển mới.

1.2 Giải pháp: Thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long là bước đi của quá trình hiện đại hóa nền kinh tế nước ta. Bước đi này không nhất thiết phải theo một trình tự chuyển hóa từ nền công nghiệp ô nhiễm, thiết bị công nghệ lạc hậu, ít tốn kém mà phải nắm bắt ngay thời cơ xuất hiện “ đôi hia bảy dặm”: Đầu tư, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ thông tin toàn cầu, trên cơ sở những tiêu chuẩn chất lượng công nghệ, sản xuất hàng hóa và bảo vệ môi trường mà khu vực và WTO đã đề ra:

-Đối với hệ thống quản lý nhà nước: bên cạnh công cuộc cải cách hành chính nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả trong công tác quản lý kinh tế xã hội, trước mắt cần tăng

cường công tác đào tạo cán bộ quản lý nhà nước, thay thế dần bằng cán bộ quản lý lãnh vực công nghệ kỹ thuật đã qua đào tạo. Nhanh chóng khắc phục bệnh địa phương cục bộ bằng cách thiết lập hệ thống quản lý hành chính từ trung ương đến cấp quận, huyện được bổ nhiệm, chuyển hoặc bãi nhiệm theo tiêu chuẩn tinh thần phục vụ và kỹ năng chuyên nghiệp thể hiện trong quá trình công tác. Nhằm nâng cao tính hiệu quả trong việc tham gia cũng như giám sát các hoạt động của đơn vị cơ sở, Chính phủ cần phải xây dựng cơ chế, nội dung mới cho các Hội đồng Nhân dân cấp xã, quận, huyện theo hướng giảm số lượng tăng chất lượng bằng cách tăng thành phần nhân sĩ, cán bộ hưu trí, các nhà hảo tâm, các nhà doanh nghiệp, các nhà hoạt động xã hội tôn giáo: huy động sức dân ở cơ sở không chỉ tài lực mà còn cả trí và tâm lực nữa. Đặc biệt trong lãnh vực giáo dục, chính phủ nên có đề án thành lập Hội đồng giáo dục trên cơ sở Hội khuyến học và Hội Phụ huynh học sinh cấp cơ sở xã, phường trên khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng trong việc khắc phục những yếu kém của ngành về cơ sở vật chất, về đội ngũ thầy cô giáo ở địa phương, trực tiếp đề ra các giải pháp hỗ trợ, phát triển giám sát mọi hoạt động của ngành giáo dục. Hội đồng này là Hội của nhân dân, hoạt động theo nguyên tắc tư nguyện, dân chủ, tình thương vì sự phát triển của cộng đồng địa phương.

- Đối với nhà nông-nhà doanh nghiệp: Đây là lực lượng quan trọng quyết định qui mô và tốc độ của quá trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Không ai có thể thay thế họ trong quá trình chuyển dịch nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lạc hậu sang một nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến. Trong bối cảnh nền sản xuất hiện nay ở Đồng bằng Sông Cửu Long, tuy nhà nông và nhà doanh nghiệp đã có một bước chuyển biến tích cực về nhận thức cũng như kỹ năng chuyên môn. Họ đã thấy việc sản xuất nông nghiệp không còn là hoạt động “nhờ trời”, “làm chơi ăn thật” mà bản thân họ phải đối phó với nhiều vấn đề trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Gánh nặng của việc đối phó trong sản xuất nông, thủy sản ngày càng tăng càng làm cho nhà nông, nhà doanh nghiệp càng hụt hẫng, đuối sức trong hoạt động nghiệp vụ của mình do thiếu kỹ năng và thông tin. Một thực trạng mâu thuẫn đang tiềm ẩn trong lãnh vực sản xuất nông thủy sản là người sản xuất trực tiếp chông chênh, thiếu sức, thiếu lực thì người có khả năng, có tiềm lực đầu tư mở rộng sản xuất thì bị nhiều rào cản về chính sách triển khai thực hiện đầu tư nhất là qui mô dự án lớn. Từ đó xuất hiện những vấn đề bất cập cho nông nghiệp nông thôn của Đồng bằng Sông Cửu Long:

- Tình trạng sản xuất nông nghiệp manh mún nhỏ lẻ, dễ làm không ai chú ý kiểm soát diễn ra khá phổ biến.

- Qui trình công nghệ sản xuất còn lạc hậu, không được kiểm định theo tiêu chuẩn công nghệ sạch an toàn.

- Việc tiếp cận thông tin về nguồn giống, các nguồn vật tư kỹ thuật, các nguyên vật liệu, hóa chất dùng trong sản xuất rất thiếu, thậm chí rất không minh bạch khiến cho sản phẩm sau cùng vẫn còn mang nhiều chất cấm, chất độc hại...

- Tuy thiếu khả năng, chưa đủ tầm để đầu tư phát triển nhưng hầu hết nông dân cũng như một số địa phương vẫn muốn nắm giữ quyền sử dụng đất như là một cơ hội chờ thời “vận đỏ”, sản xuất cầm chừng hoặc chạy theo “phong trào”.

-Việc phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng phát triển, hiện đại nhất thiết phải được tiến hành trên nền tảng tài nguyên của vùng đã được xác lập và phân bố theo một quy

hoạch chung ổn định cùng với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Từ những thực trạng trên, chúng ta cần có ngay những giải pháp nhằm điều chỉnh và tăng cường năng lực sản xuất hàng hóa của vùng:

- Phải có một công trình khảo sát, nghiên cứu khoa học và một quyết định của Chính phủ về Đồng bằng Sông Cửu Long: sản xuất cây gì, đánh bắt nuôi con gì ở đâu? Lúc nào? Công nghệ và qui mô ra sao? Ngành quản lý kinh tế các tỉnh là đơn vị thực hiện chiến lược và mục tiêu này nhằm đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả trong hoạt động sản xuất hàng hóa của vùng.

- Nhà nước nhà đầu tư, nhà nông cùng hợp tác trong việc củng cố xây dựng các công trình mang tầm cỡ khu vực: Hạ tầng cơ sở giao thông, thủy lợi, năng lượng...nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa.

- Nhà nước hỗ trợ thông tin công nghệ thị trường, trực tiếp kiểm soát công nghệ, vật tư sản xuất chế biến nhằm tiến tới chuẩn hóa lượng và chất sản phẩm.

Đối với nhà doanh nghiệp nhà nông:

- Nhận thức được vị trí của mình trong cơ cấu sản xuất hàng hóa nông, thủy sản chỉ là bước đầu thiết lập mối quan hệ với thị trường hàng hóa thế giới. Bản thân họ phải trải qua một giai đoạn "lột xác" để sánh vai ngang tầm với bạn bè. Giai đoạn này càng kéo dài càng bất lợi trong lợi thế đồng dạng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông thủy sản của nước ta:

+ Lợi thế đồng dạng về tài nguyên nông thủy sản nhiệt đới ổn định với nhiều chủng loại và khả năng sản xuất với số lượng lớn.

+ Khả năng cạnh tranh hàng hóa trên cơ sở phẩm chất: hương vị và bổ dưỡng

Để có thể rút ngắn giai đoạn này nhà doanh nghiệp, nhà nông cần phải từng bước:

-Tiến hành công việc sản xuất trên cơ sở các Hiệp hội ngành nghề chuyên nghiệp. Sự hợp quần sẽ gây sức mạnh trong sản xuất đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao.

- Đào tạo từ hệ thống nhà nước và tự đào tạo thông qua Hiệp hội nghề, Hiệp hội doanh nghiệp nhằm trang bị một lực lượng sản xuất nông nghiệp có trình độ và nghiệp vụ: nông dân áo trắng(farmer) chứ không phải người gieo trồng (cultiver). Sự hiểu biết thấu đáo quá trình chọn giống, nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch, chế biến, tung sản phẩm ra thị trường là sức mạnh trong tổ chức sản xuất của nhà nông áo trắng.

- Nhà đầu tư trong đó có hệ thống ngân hàng phải mạnh dạn tạo điều kiện để nhà nông, nhà doanh nghiệp tiếp cận nhanh với các thiết bị công nghệ hiện đại nhất. Những thiết bị công nghệ này chẳng những duy trì phẩm chất vốn có của nguyên liệu nông thủy sản mà càng làm tăng giá trị sử dụng và sự hấp dẫn của nó.

-Nhanh chóng khắc phục bệnh ăn theo đất, tự phát, nhỏ lẻ...vốn là trở ngại rất lớn trong phát triển kinh tế theo hướng hàng hóa thị trường, phá vỡ hệ thống quy hoạch làm tác động xấu đến các hệ thống tổ chức sản xuất khác.

2-Vấn đề thứ hai: Hội nhập hàng hóa nông thủy sản khu vực và thế giới.

Gia nhập WTO, có nghĩa là Việt Nam đã long trọng công bố với các nước trên thế giới chúng ta là một nước có năng lực sản xuất hàng hóa nhưng đồng thời cũng là nơi có sức thu hút tiêu thụ hàng hóa. Trong lãnh vực nông nghiệp nông thôn, nước ta có một vị thế quan trọng trong khu vực và trên thế giới: giàu tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng sản xuất. Do đó không có lý do nào để cho hàng hóa nông sản của nước ta không có mặt hoặc bị đẩy ra ngoài

thị trường tiêu thụ. Đây là một vấn đề sống còn của hệ thống kinh tế xã hội của nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta có lợi thế rất lớn để phát triển ở cả ba lãnh vực: cơ sở vật chất, hệ thống chính trị và quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, những hệ quả của quá trình lịch sử phát triển cũng như quản lý kinh tế vẫn còn để lại nhiều cản ngại cần phải vượt qua:

- Nền sản xuất hàng hóa còn mang tính thủ công, lạc hậu.

- Tuy tiềm năng sản xuất hàng hóa nông sản rất lớn nhưng qui mô sản xuất “da beo” nên mỗi mảnh một loại; nếu có cùng loại thì không đồng đều về kiểu dáng cũng như chất lượng.

- Hệ thống quản lý sản xuất hàng hóa còn vương vấn tính “bao cấp”, không đồng bộ, chưa có tính chuyên nghiệp cao.

- Việc điều chỉnh và phân phối phúc lợi xã hội và đầu tư phát triển còn gặp lung túng khó khăn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng do thiếu một hệ thống luật pháp thích ứng và những chính sách ưu tiên trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Hệ quả là tình trạng chậm tăng trưởng kinh tế trong lãnh vực nông nghiệp, sự xuất hiện tầng lớp tư sản mới ở nông thôn càng làm cho khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa số ít hoạt động gián tiếp, tầng lớp tư sản “mới” trung gian giàu nhanh và số đông hoạt động sản xuất trực tiếp nghèo còn lung túng, khó khăn, thậm chí thiếu ăn.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn còn thiếu và yếu nhất là lãnh vực giao thông vận tải sông biển, nguồn năng lượng, hệ thống thủy lợi cấp vùng, hệ thống công nghệ giống, gieo trồng, bảo quản, chế biến nông sản...

- Việc đào tạo nhân lực phục vụ cho vùng tuy có những cố gắng rất lớn nhưng vẫn không đáp ứng kịp thời về số lượng và chất lượng chuyên môn. Sức thu hút việc làm, phúc lợi vẫn còn khép kín theo cơ chế xin cho “gia đình”.

Từ những hệ quả bất cập trên, chúng ta cần phải nhanh chóng tập trung nỗ lực khắc phục bằng những biện pháp đồng bộ thích hợp về tổ chức, ban hành luật pháp, khuyến khích hợp tác đầu tư phát triển đa ngành, cụ thể là:

- Bên cạnh việc quy hoạch phát triển tài nguyên vùng, Chính phủ cần có một hệ thống quản lý vùng một cách hiệu quả, một đầu mối thay vì 11 đầu mối quản lý, nhất là những lãnh vực cơ sở hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi, chiến lược phát triển tổng hợp vùng...

- Tăng cường hệ thống quản lý hành chính cũng như nhân sự cấp tỉnh huyện theo một quy trình để cử bổ nhiệm, bãi miễn trên những nguyên tắc bảo đảm tính tổ chức, tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả. Chính phủ nên đề ra những chính sách ưu đãi cụ thể, tập trung tăng cường đào tạo, phân bổ cán bộ quản lý cấp xã, phường nhằm phát huy hiệu lực triển khai nội dung cải cách hành chính và xây dựng nâng cao đời sống tinh thần cũng như vật chất của người dân, đưa những chủ trương chính sách có tính cấp thiết xuống tận cơ sở xã, phường. Xây dựng tác phong dân chủ ở cơ sở đối với cấp ủy và đảng viên phường, xã là một nội dung rất quan trọng trong việc đưa chủ trương của Đảng vào cuộc sống và khắc phục sức ì, tệ quan liêu, tham nhũng ở địa phương.

- Xây dựng định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp theo những mục tiêu hàng hóa, có ưu thế đồng dạng, thân thiện với môi trường: xây dựng nền sản xuất nông nghiệp gắn với các loại nông sản thiết yếu và đặc sản nhiệt đới có hàm lượng công nghệ cao; gắn với hoạt

động dịch vụ du lịch vườn, sông, hồ, biển đảo. Những vật tư, thiết bị, ngành sản xuất không đạt tiêu chuẩn phải kiên quyết loại bỏ hoặc trang bị mới ngay trong giai đoạn thẩm định, chọn dự án đầu tư.

3-Vấn đề thứ ba: Gắn kinh tế nông nghiệp nước ngọt với kinh tế biển.

Đồng bằng sông Cửu Long có một vị trí địa lý rất quan trọng trong mối quan hệ quốc tế, trong một thế giới mở toàn cầu, đặc biệt hành lang thương mại quốc tế “con đường tơ lụa trên biển” xuyên qua khu vực Đông Nam Á. Điều này cho phép chúng ta thiết lập một hệ thống sản xuất nông nghiệp đối trọng với hệ thống sản xuất công nghiệp của khu vực và thế giới. Cuộc sống của con người về vật chất có hai yếu tố quan trọng: ăn và ở. Hệ thống nông nghiệp của chúng ta phải xác định những sản phẩm cung cấp cái ăn; các lãnh vực sản xuất công nghiệp cung cấp như cầu, phương tiện ở. Sự phát triển kinh tế là sự cải thiện không ngừng năng lực qui mô sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và không ngừng mở rộng nhu cầu tiêu dùng. Do đó khi đề ra hướng phát triển ưu thế vùng đồng bằng phù sa ngọt với ưu thế vùng biển rộng phía Nam của đất nước là chúng ta hướng tới việc xây dựng những lãnh vực sản xuất hàng hóa có yếu tố tài nguyên đồng bằng phù sa ngọt và tài nguyên biển, lòng biển. Sự gắn kết này thể hiện qua những nội dung sau:

- Việc thiết lập và giữ ổn định mối quan hệ sinh thái giữa vùng phù sa ngọt với vùng biển mặn.
- Việc tác động giữa khối lượng, lưu lượng của dòng chảy nước ngọt với áp lực thủy triều biển mặn.
- Việc khai thác kinh tế và môi trường sinh thái bền vững trên cả hai vùng sinh thái.

3.1 Nội dung thứ nhất:

Đồng bằng sông Cửu Long là sản phẩm của phù sa sông và trầm tích biển. Sự đan xen của hai loại vật liệu bồi đắp này trong quá trình tích tụ đã góp phần làm nên diện mạo và tính cách của đồng bằng này. Ở những nơi trũng thấp, vùng ven biển còn ảnh hưởng bởi nước biển thì yếu tố phèn (Al^{+++} , Fe^{++}) và mặn (Na^+) hiện diện trong đất, nước tác động rất lớn đến sinh thái động thực vật vùng ngập nước phèn mặn. Ở những vùng đất và gờ đất ven sông nơi chỉ chịu ảnh hưởng của phù sa ngọt vào mùa nước ngập và quá trình rửa trôi nhôm sắt, natri trên bề mặt đất đã mang lại cho đồng bằng này một vùng sinh thái động thực vật rất đa dạng: Sự diễn biến và thay đổi giữa hai vùng sinh thái này tùy thuộc rất lớn vào mối quan hệ giữa lượng phù sa nước ngọt và thủy triều biển mặn. Hiện nay, do nhiều nguyên nhân, vùng sinh thái mặn về mặt tự nhiên đang xâm nhập sâu vào nội địa mở rộng ảnh hưởng của mình; trong khi về mặt sản xuất, con người đang can thiệp vào vùng sinh thái mặn để mở rộng diện tích cư trú và khai thác kinh tế. Đây là sự mâu thuẫn trong phát triển, giữa một bên là lợi ích kinh tế còn một bên là tài nguyên môi trường, trong khi cuộc sống, quá trình phát triển đất nước luôn thúc bách chúng ta. Sự chọn lựa một giải pháp phù hợp là rất quan trọng cho mục tiêu phát triển bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long.

Theo chúng tôi để đạt được mục tiêu này trong chính sách và các giải pháp thực hiện đường lối phát triển cần phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Bằng các phương tiện khoa học kỹ thuật công nghệ, chúng ta phải trả lại những thuộc tính cho môi trường sinh thái đồng bằng phù sa ngọt và vùng sinh thái mặn lợi như là nó

vốn có. Điều này có nghĩa là mọi sự can thiệp vào đều phải bảo đảm những thuộc tính ban đầu của nó không bị ảnh hưởng hoặc mất đi. Chúng ta phải hiểu nó thật rõ ràng (điều tra cơ bản) trước khi can thiệp và sử dụng nó.

- Môi trường hệ sinh thái là nền tảng và là yếu tố trội trong xu thế phát triển kinh tế hội nhập của thế kỷ 21 trong đó có đồng bằng phù sa ngập nước Sông Cửu Long và biển Đông của chúng ta. Việc can thiệp của chúng ta vào hai môi trường sinh thái này trong phát triển là nhằm mục tiêu ngày càng tạo thêm giá trị hưởng dụng của nó cho con người.

- Việc khai thác cung cấp và hoán đổi các nguồn lợi vật chất giữa hai môi trường là sự bổ sung, tăng cường tính đa dạng về sản phẩm, hàng hóa chứ không phải là sự chuyển đổi thay thế chức năng nhất là sinh khối phát triển trong từng môi trường. Do đó việc chuyển đổi cây trồng vật nuôi, môi trường nhân tạo trên cả hai môi trường này sẽ gây hệ quả xấu nhiều hơn là lợi ích của quá trình khai thác sử dụng.

3.2 Nội dung thứ hai:

Mối quan hệ giữa khối nước ngọt của sông và nước mặn của biển:

Nước là tài nguyên vô cùng thiết yếu cho quá trình sống của mọi sinh loài. Trong thế kỷ 21 ưu thế nguồn nước sẽ là ưu thế tồn tại, phát triển. Với vị trí của đồng bằng sông Cửu Long, việc tiếp cận vùng biển Đông đã hình thành ba vùng môi trường: nước ngọt, nước mặn và nước lợ.

Mối quan hệ này tùy thuộc rất lớn vào các hiện tượng địa lý của khu vực cũng như của thế giới và hành động của con người:

- Chế độ mưa trên khu vực đầu nguồn sông Cửu Long(Bồn thu nước):

- Sự thay đổi khí hậu trên qui mô toàn cầu: Trái đất ấm hơn, các núi băng ở 2 cực bắt đầu tan chảy ngày càng lớn, nước biển dâng ngày càng cao.

- Sự can thiệp “mù” của con người vào dòng chảy của sông Cửu Long bằng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, đô thị...

Từ những thay đổi này, những hệ quả bất tường xuất hiện ngày càng rõ ràng trên khu vực đồng bằng sông Cửu Long:

- Lưu lượng dòng chảy thất thường: gây thiếu nước vào mùa khô, gây xói lở bãi bờ vào mùa mưa lũ.

- Hiện tượng ngập mặn vào đồng bằng sông Cửu Long ngày càng sâu vào nội địa.

- Các vùng đồng bằng ven sông bị quay bởi đê bao nên không được bồi đắp nhiều phù sa như trước đây khiến cho việc bồi bổ dưỡng chất trong nước sông ngày càng giảm trên đồng ruộng; trái lại sự bồi lắng tại các cửa sông ngày càng nhanh gây cản trở hoạt động cho các cảng sông trong khu vực.

Từ những hệ quả trên vấn đề chúng ta cần phải giải quyết trên phạm vi nội bộ đồng bằng cũng như trên phạm vi các quốc gia khu vực với nguyên tắc cơ bản là duy trì và bảo vệ ba vùng sinh thái đặc trưng của đồng bằng sông Cửu Long: Môi trường sinh thái ngọt, môi trường sinh thái lợ và môi trường sinh thái mặn. Để đạt được mục đích này, chúng ta cần phải nỗ lực thực hiện hai gói giải pháp sau:

- Gói giải pháp nội bộ: Xác lập và bảo vệ bằng cơ sở luật pháp trong điều tra cơ bản, khai thác và bố trí sử dụng tài nguyên trong ba vùng sinh thái trên, đảm bảo tính phát triển ổn định bền vững các dạng sinh khối đặc trưng của từng vùng, không vì lợi ích nhất thời hoặc

thiếu hiểu biết về tài nguyên tiềm năng do năng lực công nghệ yếu kém mà thay đổi tính chất và mục tiêu của từng vùng sinh thái.

- Giải pháp pháp khu vực và quốc tế: Trên cơ sở mối quan hệ thuận lợi trong khu vực, chúng ta cần nhanh chóng thiết lập những nguyên tắc cơ bản trong việc điều chỉnh và thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông Mekong giữa các quốc gia có lưu vực của con sông này, thông qua Ủy Ban sông Mekong và các tổ chức liên quan của Liên Hợp Quốc. Sự phối hợp hành động giữa các quốc gia trong khu vực là cần thiết và quan trọng quyết định cho sự phát triển ổn định và bền vững của mỗi quốc gia. Đối với chúng ta sự ổn định về diện tích và năng lực khai thác vùng sinh thái ngọt, vùng sinh thái lợ của lưu vực đồng bằng sông Cửu Long và vùng biển tùy thuộc rất lớn vào việc điều tiết lưu lượng dòng chảy từ các quốc gia trong khu vực.

3.3 Nội dung thứ ba: Việc khai thác kinh tế và môi trường sinh thái bền vững

Khai thác kinh tế và bảo vệ tính ổn định của môi trường sinh thái là hai vấn đề có mối quan hệ quyết định trong xu thế phát triển, đặc biệt trong thế kỷ 21, thế kỷ của môi trường nước: Nước mặn cũng như nước ngọt. Tính chất quan trọng của vấn đề ở hai yếu tố: Sử dụng tài nguyên bền vững và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hành vi tác động đến môi trường nước của con người. Cả hai mục tiêu này nhiệm vụ của chúng ta là làm sao chúng không loại trừ nhau mà bổ sung và phát huy sức mạnh ưu thế trội của nhau trong phát triển kinh tế cũng như trong phát kiến khoa học công nghệ. Từ đó chúng ta cần phải tiến hành giải quyết hai vấn đề này bằng những giải pháp phù hợp với thời đại:

- Xác lập và quy hoạch tổng thể tài nguyên khả dụng cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu theo cấp độ và thứ tự ưu tiên thông qua phương tiện và công nghệ của thời đại. Trình độ kỹ thuật công nghệ càng cao, sự lãng phí tài nguyên càng thấp, tính khả dụng và lợi ích kinh tế càng cao.

- Xây dựng một hệ thống thủy lợi cho việc sử dụng và chủ động điều tiết nước nước trên quy mô khu vực gắn với hệ thống giao thông sông- biển, cảng biển.

- Đầu tư công nghệ cao cho các lãnh vực sản xuất hàng hóa và dịch vụ để nhanh chóng nâng cao trình độ nghiệp vụ sản xuất hàng hóa ngang tầm với khu vực. Trong điều kiện và năng lực tích lũy của nền kinh tế còn yếu, hãy mạnh dạn kêu gọi hợp tác đầu tư với những quốc gia có thế mạnh công nghệ hàng hóa tương tự. Một nguyên tắc căn bản trong mối quan hệ hợp tác này là sử dụng công nghệ cao, sản phẩm hàng hóa chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường sinh thái. Dù sản xuất với phương tiện thô sơ hay công nghệ hiện đại nguyên tắc này cần phải được duy trì kiểm soát chặt chẽ về mặt pháp lý cũng như đạo lý giữa các thế hệ.

Kết luận:

Trước đây, mối quan hệ giữa việc khai thác kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long và kinh tế vùng biển Đông là hai mảng còn tách biệt và có nhiều bất cập do tính chất sản xuất nhỏ lại mang tính cục bộ. Nay trong điều kiện nền kinh tế mở, hội nhập với ưu thế biển, việc sự xác lập tiềm năng và sử dụng kinh tế nông nghiệp nước ngọt và kinh tế biển là một sức mạnh kinh tế mới về hàng hóa dịch vụ đặc trưng nhiệt đới trong xu thế khai thác hiệu quả tài nguyên và bảo vệ tính bền vững cho nền kinh tế hàng hóa dịch vụ xanh, sạch, an toàn vì chính mối quan

hệ ổn định, bền vững của chúng với nhau đối với môi trường nước để duy trì và phát triển sinh loài trong đó có con người. Do vậy, mọi thiết kế hệ thống sản xuất ở hai vùng sinh thái này đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, trên nguyên tắc xây dựng một không gian kinh tế sông –biển hướng tới khu vực và thế giới.

TÓM TẮT

Mối quan hệ giữa việc khai thác kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long và kinh tế vùng biển Đông là hai mảng còn tách biệt và có nhiều bất cập do tính chất sản xuất nhỏ lại mang tính cục bộ. Nay trong điều kiện nền kinh tế mở, hội nhập với ưu thế biển, việc sự xác lập tiềm năng và sử dụng kinh tế nông nghiệp nước ngọt và kinh tế biển là một sức mạnh kinh tế mới về hàng hóa dịch vụ đặc trưng nhiệt đới trong xu thế khai thác hiệu quả tài nguyên và bảo vệ tính bền vững cho nền kinh tế hàng hóa dịch vụ xanh, sạch, an toàn vì chính mối quan hệ ổn định, bền vững của chúng với nhau đối với môi trường nước để duy trì và phát triển sinh loài trong đó có con người. Do vậy, mọi thiết kế hệ thống sản xuất ở hai vùng sinh thái này đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, trên nguyên tắc xây dựng một không gian kinh tế sông –biển hướng tới khu vực và thế giới.

SUMMARY

The relationship between developing the Mekong Delta economy and the East Sea economy are two separated parts for a long time and there is a lot of insufficiency because production is small and local. Now in the condition of open economy, integration with marine advantage, determining potential and using fresh-water agricultural economy and marine economy is a new economic strength of tropical-featured service commodities in the trend of effectively exploiting resources and protecting the stability for an economy of green, clean, safe service commodities because it is their stable and strong relationship to water environment to maintain and develop living beings including human beings. Therefore, all designs of production system in these two ecological areas have close relationship in terms of building a river-ocean economic space to the area and to the world.